

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2014 - 2015

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

30/05/2015

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
1	340442	Nguyễn Thị Ngọc Mai	3404	8	15	14	9	78	220	385	605	10.0
2	340306	Bùi Minh Ngọc	3403	5	19	14	19	50	295	215	510	9.0
3	340612	Trần Trí Dũng	3406	5	14	10	9	39	175	145	320	
4	341553	Nguyễn Thu Thủy	3415									
5	350532	Nguyễn Thị Hiền	3505	8	21	22	19	52	380	225	605	10.0
6	351841	Phạm Đăng Mạnh	3518	7	19	20	14	50	315	215	530	9.0
7	351464	Phùng Thị Kim Thủy	3504	9	19	15	11	51	275	220	495	8.5
8	350942	Lý Thị Liễu	3509	10	13	14	15	38	260	140	400	
9	350666	Nguyễn Huy Hoàng	3506	10	11	9	4	46	150	190	340	
10	350426	Nguyễn Văn Chuyên	3504									
11	362151	Nguyễn Phương Hiền	3621	10	15	29	30	99	465	495	960	10.0
12	362455	Hoàng Hữu Thông	3624	9	28	23	22	89	450	445	895	10.0
13	362254	Nguyễn Đức Thắng	3622	5	7	30	29	99	385	495	880	10.0
14	361261	Nguyễn Thị Tuyết	3612	10	19	29	30	77	485	380	865	10.0
15	361657	Bùi Thu Hà	3616	9	26	21	22	81	425	400	825	10.0
16	361434	Nguyễn Quý Võ	3614	9	28	25	16	77	425	380	805	10.0
17	361049	Phạm Thị Quỳnh	3610	9	22	9	16	99	290	495	785	10.0
18	361943	Trần Thị Mai	3619	6	21	30	17	76	400	370	770	10.0
19	360623	Nguyễn Thị Thắng	3606	9	30	29	13	65	445	305	750	10.0
20	362051	Phạm Thị Hồng	3620	4	16	29	24	72	395	350	745	10.0
21	362064	Nguyễn Hữu Đức	3620	4	18	15	18	90	280	450	730	10.0
22	360648	Phạm Thị Linh	3606	10	20	13	13	86	290	425	715	10.0
23	360738	Trần Thị Lệ	3607	10	12	13	11	99	220	495	715	10.0
24	362207	Nguyễn Thị Hậu Phương	3622	10	23	18	23	65	400	305	705	10.0
25	361709	Nguyễn Thị Lan	3617	6	17	15	13	89	255	445	700	10.0
26	362065	Đỗ Thị Soạn	3620	10	24	26	18	60	425	270	695	10.0
27	360435	Bùi Thị Nga	3604	10	18	29	30	49	480	210	690	10.0
28	361743	Nguyễn Thị Chinh	3617	8	24	30	22	51	465	220	685	10.0
29	360803	Cầm Thuý Hà	3608	9	16	29	28	50	450	215	665	10.0
30	360326	Lê Thị Kim Anh	3603	10	24	27	28	43	490	170	660	10.0
31	361509	Nguyễn Thị Hiền	3615	8	29	30	29	42	495	165	660	10.0
32	361363	Nguyễn Văn Huấn	3613	4	16	19	19	72	300	350	650	10.0
33	362241	Phùng Văn Tiến	3622	5	14	10	9	92	175	465	640	10.0
34	360453	Tạ Thu Hà	3604	8	15	12	12	81	230	400	630	10.0
35	361666	Trần Nguyễn Hạnh Lê	3616	10	25	21	12	59	365	265	630	10.0
36	362036	Nguyễn Hải Loan	3620	10	18	27	17	55	390	240	630	10.0
37	360423	Trần Quang Thiện	3604	8	20	23	18	57	370	255	625	10.0
38	360449	Lê Thị Oanh	3604	6	15	23	24	57	365	255	620	10.0
39	361835	Trần Thị Huệ	3618	8	16	14	10	77	240	380	620	10.0
40	360653	Phạm Minh Tuấn	3606	10	29	24	12	49	405	210	615	10.0
41	361629	Nguyễn Thị Huệ	3616	10	16	18	12	68	290	325	615	10.0
42	360835	Phạm Thị Hà Phương	3608	10	14	10	30	60	340	270	610	10.0
43	362363	Lê Hoàng	3623	8	22	15	18	57	330	255	585	10.0
44	362346	Nguyễn Minh Phương	3623	10	30	28	14	37	450	130	580	10.0
45	360455	Nguyễn Thị Thanh Huyền	3604	5	15	11	14	73	215	355	570	9.5
46	361264	Nguyễn Thị Hà	3612	6	18	20	20	53	340	230	570	9.5
47	361441	Nguyễn Thị Thuý An	3614	6	13	23	18	56	315	250	565	9.5
48	361654	Đặng Thị Phương Khanh	3616	5	14	16	12	69	230	330	560	9.5

Ca thi :

30/05/2015

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
49	360138	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	3601	9	15	14	12	65	250	305	555	9.5
50	360734	Lê Quang Hưởng	3607	4	14	12	27	57	295	255	550	9.5
51	360742	Trần Thị Thuỳ Dương	3607	5	21	8	12	68	220	325	545	9.5
52	360458	Lê Thị Thu Hằng	3604	10	24	11	15	52	315	225	540	9.5
53	362131	Phạm Việt Tùng	3621	7	17	14	18	56	290	250	540	9.5
54	362025	Trương Thị Thu Trang	3620	7	18	27	28	31	440	95	535	9.5
55	361938	Nguyễn Thị Thu Hà	3619	10	14	15	13	60	260	270	530	9.0
56	360528	Thiếu Thị Vân Anh	3605	3	10	13	29	55	280	240	520	9.0
57	360248	Phạm Thị Huệ	3602	6	17	13	16	56	260	250	510	9.0
58	361245	Nguyễn Thị Hương	3612	9	21	10	14	54	275	235	510	9.0
59	360343	Nguyễn Thu Hiền	3603	9	18	18	17	45	325	180	505	9.0
60	361042	Phạm Văn Thọ	3610	9	14	29	15	39	360	145	505	9.0
61	361222	Hoàng Thị Lương	3612	8	17	26	12	43	330	170	500	8.5
62	361419	Nông Thị Vân Anh	3614	9	18	15	14	49	290	210	500	8.5
63	360337	Lương Thị Ly	3603	10	14	15	13	54	260	235	495	8.5
64	361239	Hoàng Thị Yến	3612	9	17	16	13	50	280	215	495	8.5
65	360744	Nguyễn Huy Tuyển	3607	3	7	25	17	53	260	230	490	8.5
66	360932	Vũ Thị Hà	3609	8	25	8	14	49	280	210	490	8.5
67	361348	Nguyễn Thị Huyền Trang	3613	8	18	16	12	50	275	215	490	8.5
68	361442	Phạm Ngọc Hùng	3614	10	19	14	15	46	300	190	490	8.5
69	360947	Đàm Xuân Huệ	3609	5	19	8	13	60	215	270	485	8.5
70	361134	Nguyễn Công Bách	3611	4	8	22	22	47	290	195	485	8.5
71	361410	Nguyễn Thu Giang	3614	9	12	14	18	50	270	215	485	8.5
72	362205	Lê Thanh Sơn	3622	8	20	18	18	38	340	140	480	8.5
73	360234	Nguyễn Thiên Nam	3602	10	19	15	10	46	275	190	465	8.0
74	360613	Mạc Thị Dung	3606	9	16	14	14	47	270	195	465	8.0
75	361525	Trần Thị Huyền Trang	3615	8	15	9	18	50	250	215	465	8.0
76	360764	Lê Quang Sơn	3607	6	21	19	17	37	330	130	460	8.0
77	360953	Phạm Hồng Nhung	3609	10	11	15	16	48	260	200	460	8.0
78	361757	Nguyễn Thu Lan	3617	7	17	7	13	56	210	250	460	8.0
79	360258	Đặng Thế Anh	3602	8	18	10	15	48	255	200	455	8.0
80	360654	Nguyễn Thị Phương Anh	3606	10	17	16	13	42	290	165	455	8.0
81	361459	Nguyễn Hùng Cường	3614	3	12	10	24	49	245	210	455	8.0
82	361012	Đặng Thị Thu Trang	3610	10	16	14	14	44	275	175	450	8.0
83	361539	Hoàng Thị Mai Anh	3615	6	19	14	13	46	260	190	450	8.0
84	362060	Phạm Thị Thu	3620	7	13	27	25	25	390	60	450	8.0
85	362243	Nguyễn Thị Vân	3622	6	17	12	7	57	195	255	450	8.0
86	361647	Phạm Quang Huy	3616	7	22	19	15	33	330	110	440	
87	361942	Nguyễn Thị Thuỳ Giang	3619	8	16	15	14	43	270	170	440	
88	361057	Nguyễn Thị Hương Lâm	3610	7	15	9	14	50	215	215	430	
89	361744	Ngô Thu Hiền	3617	7	13	26	9	40	280	150	430	
90	361944	Phùng Thị Hoa	3619	7	18	17	8	45	250	180	430	
91	360226	Vũ Thị Duyên	3602	6	15	15	15	43	255	170	425	
92	360910	Lê Phương Thảo	3609	10	16	11	10	47	230	195	425	
93	361653	Trần Khánh Ly	3616	10	18	16	18	32	325	100	425	
94	361936	Nguyễn Thị Hường	3619	<i>Vĩ phạm quy chế: nhờ người thi hộ</i>								
95	360766	Nguyễn Thanh Tùng	3607	9	14	18	12	39	270	145	415	
96	361524	Võ Thị Hương Quỳnh	3615	8	15	15	12	42	250	165	415	

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2014 - 2015

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

30/05/2015

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
97	361632	Nguyễn Thị Thanh Hoài	3616	10	9	7	14	52	185	225	410	
98	362034	Nguyễn Thị Thu Hằng	3620	4	16	13	11	48	210	200	410	
99	362048	Nguyễn Minh Thảo	3620	3	16	18	15	40	260	150	410	
100	360852	Bùi Thị Tú Anh	3608	5	9	14	10	53	175	230	405	
101	361225	Võ Thị Minh Trang	3612	5	20	10	10	46	215	190	405	
102	360909	Nguyễn Diệp Quỳnh Chi	3609	5	18	17	16	33	290	110	400	
103	361127	Dương Bá Đoàn	3611	8	16	11	12	43	230	170	400	
104	361809	Đỗ Thị Ngọc	3618	7	17	10	7	49	190	210	400	
105	361648	Nguyễn Thị Huyền Trang	3616	9	14	10	13	44	220	175	395	
106	360344	Lê Thanh Quý	3603	6	17	9	13	43	215	170	385	
107	360314	Hà Thị Hằng	3603	8	16	8	20	35	260	120	380	
108	361325	Nguyễn Hoàng Đạt	3613	8	15	16	13	35	260	120	380	
109	360237	Nguyễn Thị Huyền Trang	3602	7	20	12	11	34	250	115	365	
110	360245	Nguyễn Thị Oanh	3602	7	16	14	16	31	270	95	365	
111	362056	Nguyễn Thế Thức	3620	6	16	14	12	36	240	125	365	
112	360805	Cao Hồng Thuận	3608	8	11	15	10	40	210	150	360	
113	360924	Nguyễn Quỳnh Mai	3609	3	15	14	15	37	230	130	360	
114	361625	Nguyễn Thị Hậu	3616	5	7	12	10	49	150	210	360	
115	360156	Nguyễn Thị Khánh Huyền	3601	10	15	15	7	36	230	125	355	
116	360509	Nghiều Văn Đại	3605	5	13	14	19	32	255	100	355	
117	362067	Phan Thị Phương Hoa	3620	5	20	8	6	44	180	175	355	
118	361155	Trần Chung Kiên	3611	10	13	8	10	40	190	150	340	
119	362046	Ngô Thị Phi	3620	9	11	14	11	36	215	125	340	
120	361631	Nguyễn Thị Hoa	3616	8	16	9	11	34	210	115	325	
121	361734	Phạm Thị Dung	3617	9	14	9	9	36	190	125	315	
122	361129	Phạm Văn Cường	3611	5	12	11	12	35	185	120	305	
123	361939	Mai Thị Ngọc	3619	7	7	6	12	42	140	165	305	
124	362170	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	3621	3	15	13	5	38	165	140	305	
125	361566	Đinh Hữu Nam	3615	5	12	12	12	33	190	110	300	
126	360137	Nguyễn Thị Phương	3601	5	15	10	10	33	185	110	295	
127	361627	Trịnh Lê Nhung	3616	5	14	9	6	39	150	145	295	
128	361344	Ngô Trung Kiên	3613	5	14	11	12	30	195	90	285	
129	362155	Nguyễn Thị Hằng	3621	4	15	9	10	33	175	110	285	
130	362115	Lê Trọng Tân	3621	2	12	8	8	40	130	150	280	
131	360635	Nguyễn Thị Huế	3606	4	10	17	9	30	185	90	275	
132	361624	Phạm Hồng Vân	3616	9	9	11	9	32	175	100	275	
133	362018	Nguyễn Thị Dương	3620		10	8	9	41	115	160	275	
134	362163	Nguyễn Bình Hiếu	3621	4	12	10	12	32	175	100	275	
135	362250	Phạm Vũ Dũng	3622	3	13	3	4	45	90	180	270	
136	360338	Nguyễn Thị Mai Hương	3603	5	11	12	12	28	185	80	265	
137	361008	Nguyễn Anh Đức	3610	7	10	9	10	31	165	95	260	
138	361847	Nguyễn Thị Thanh	3618	4	12	6	5	36	115	125	240	
139	361807	Trần Thị Nga	3618	5	10	6	13	27	150	70	220	
140	361541	Phạm Sơn Lâm	3615	5	11	4	8	31	120	95	215	
141	360640	Trần Thị Huyền	3606	2	10	12	8	24	140	50	190	
142	362122	Dương Thị Thuỷ	3621	8	13	5	8	20	150	30	180	
143	361054	Nguyễn Mỹ Linh	3610	2	8	6	8	27	95	70	165	
144	360735	Trịnh Thị Hồng Thuỷ	3607	3	7	6	3	29	70	85	155	

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2014 - 2015

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi : 30/05/2015

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
145	360745	Lê Trọng Đạo	3607	3	8	9	7	22	115	40	155	
146	361418	Nguyễn Thị Thu Trang	3614	3	8	7	6	22	95	40	135	
147	360954	Đỗ Đức Thành	3609	5	8	7	3	22	90	40	130	
148	362313	Lê Thị Lý	3623	2	12	5	6	9	100	5	105	
149	360949	Bùi Phương Anh	3609									
150	361047	Nguyễn Phương Thúy	3610									
151	361067	Nguyễn Văn Quyết	3610									
152	361126	Ngô Thị Vân Anh	3611									
153	361132	Phạm Thị Hồng Duyên	3611									
154	361469	Trịnh Hải Việt	3614									
155	362128	Đỗ Việt Anh	3621									
156	362211	Hoàng Thị Thuỳ Trang	3622									

Hà Nội, Ngày tháng năm 2015

TRUNG TÂM TIN HỌC

PHÒNG ĐÀO TẠO

THANH TRA ĐÀO TẠO

TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

BAN GIÁM HIỆU

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2014 - 2015

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

31/05/2015

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
1	342141	Nguyễn Thị Cúc	3421	8	13	23	11	53	280	230	510	9.0
2	341717	Nguyễn Thị Mai Phương	3417	6	11	15	12	39	210	145	355	
3	350208	Nguyễn Thị Minh Trang	3502	5	15	12	16	58	240	260	500	8.5
4	350850	Đào Thu Huyền	3508	7	19	14	16	42	290	165	455	8.0
5	352244	Nguyễn Thị Thương	3522	5	15	12	9	35	190	120	310	
6	350650	Phạm Thị Quỳnh Loan	3506	5	10	7	5	37	115	130	245	
7	350328	Phí Đức Tài	3503									
8	361814	Lương Thị Hoa	3618	10	19	29	29	79	480	390	870	10.0
9	361937	Phạm Thị Dung	3619	10	27	28	24	72	490	350	840	10.0
10	362359	Nguyễn Văn Trung	3623	8	22	20	24	88	400	435	835	10.0
11	362362	Nguyễn Thị Thu	3623	10	14	30	29	76	460	370	830	10.0
12	361668	Phạm Hà Thu	3616	10	28	9	30	82	420	405	825	10.0
13	360926	Trần Hà Thu	3609	8	26	28	18	77	440	380	820	10.0
14	361023	Nguyễn Thị Ngọc Thuỷ	3610	6	20	30	29	60	470	270	740	10.0
15	361615	Nguyễn Văn Đoàn	3616	9	11	16	29	80	345	395	740	10.0
16	361637	Nguyễn Thị Yến	3616	10	13	28	28	65	430	305	735	10.0
17	362033	Đoàn Ngọc Anh	3620	10	21	26	28	59	470	265	735	10.0
18	361844	Đỗ Thị Mai Duyên	3618	10	16	26	12	78	340	385	725	10.0
19	362057	Hà Quang Lộc	3620	9	6	28	29	67	390	320	710	10.0
20	361820	Phí Thị Trang	3618	10	18	28	28	55	465	240	705	10.0
21	361431	Trần Hoàng Dũng	3614	5	13	13	28	79	310	390	700	10.0
22	361448	Nguyễn Minh Trường	3614	9	22	19	14	73	340	355	695	10.0
23	361202	hoàng khánh linh	3612	6	19	11	18	78	275	385	660	10.0
24	361444	Đinh Thị Yến	3614	9	24	28	27	41	485	160	645	10.0
25	360469	Vũ Thị Nhung	3604	9	19	22	16	63	350	290	640	10.0
26	361738	Phạm Phương Thảo	3617	10	28	29	28	39	495	145	640	10.0
27	360512	Trịnh Nguyễn Huyền My	3605	10	9	13	30	65	325	305	630	10.0
28	362102	Ngân Thị Bùi	3621	10	17	30	27	42	465	165	630	10.0
29	360934	Nguyễn Ngọc ánh	3609	5	13	13	25	69	290	330	620	10.0
30	361031	Nguyễn Thị Linh	3610	8	10	14	30	63	325	290	615	10.0
31	360470	Đèo Thị Hồng ánh	3604	8	27	16	18	55	370	240	610	10.0
32	361056	Trần Thị Thu Giang	3610	10	17	11	15	69	270	330	600	10.0
33	361243	Đào Ngọc Sơn	3612	10	20	23	17	51	380	220	600	10.0
34	361514	Trần Thảo Nguyên	3615	10	27	16	14	54	360	235	595	10.0
35	361839	Dương Minh Nghĩa	3618	7	22	12	11	69	260	330	590	10.0
36	362252	Phương Thế Sơn	3622	6	19	12	22	61	310	280	590	10.0
37	361945	Nguyễn Ngọc Chung	3619	8	14	12	27	59	320	265	585	10.0
38	361439	Đinh Thị Hoà	3614	9	11	28	27	42	405	165	570	9.5
39	361967	Nguyễn Thu Thảo	3619	10	12	29	10	55	320	240	560	9.5
40	361435	Vũ Thị Kim Phương	3614	5	15	24	14	56	300	250	550	9.5
41	361149	Nguyễn Thị Thắm	3619	10	11	14	9	71	210	340	550	9.5
42	361752	Nguyễn Thanh Bình	3617	6	16	23	18	47	330	195	525	9.0
43	362434	Nguyễn Trí Tuấn	3624	6	21	15	14	54	290	235	525	9.0
44	361320	Đoàn Thanh Hương	3613	8	19	15	15	52	295	225	520	9.0
45	361335	Nguyễn Thuý Phương	3613	10	21	15	16	47	325	195	520	9.0
46	362343	Nguyễn Thị Tố Như	3623	7	19	12	14	57	260	255	515	9.0
47	361747	Hà Hồng Cẩm	3617	8	21	14	10	54	270	235	505	9.0
48	360825	Lưu Thị Thúy	3608	9	15	21	10	50	280	215	495	8.5

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2014 - 2015

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

31/05/2015

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
49	361959	Nguyễn Thành Vũ	3619	5	17	16	15	52	270	225	495	8.5
50	360407	Vũ Kiều Trang	3604	5	9	24	17	49	280	210	490	8.5
51	361328	Phạm Thị Thu Hằng	3613	6	13	13	18	51	250	220	470	8.0
52	361841	Vũ Mai Lê	3618	5	10	22	18	46	280	190	470	8.0
53	361862	Phạm Việt Anh	3618	7	9	11	10	61	170	280	450	8.0
54	361612	Nguyễn Thị Ngọc Anh	3616	7	17	13	11	48	240	200	440	
55	361446	Phan Trung Hiếu	3614	10	17	12	14	42	270	165	435	
56	361027	Nguyễn Thị Quỳnh Đông	3610	10	15	14	12	44	255	175	430	
57	361148	Nguyễn Thị Thơm	3611	6	15	11	9	55	190	240	430	
58	362061	Phùng Thị Minh Châu	3620	7	12	14	13	49	220	210	430	
59	360915	Nguyễn Thị Trang	3609	5	20	12	13	41	250	160	410	
60	361916	nguyễn thanh tùng	3619	4	13	13	15	47	215	195	410	
61	360705	Trần Nguyễn Thanh	3607	5	13	14	9	49	190	210	400	
62	360229	Nguyễn Văn Thảo	3602	7	16	10	13	43	220	170	390	
63	361323	Vũ Thị Thanh Huyền	3613	6	13	13	10	47	195	195	390	
64	361136	Lại Thị Thu Thảo	3611	8	16	7	11	46	195	190	385	
65	361417	Nguyễn Thị Thuỷ Kiều	3614	9	14	5	8	50	165	215	380	
66	361338	Nguyễn Thị Phương	3613	8	16	9	13	40	220	150	370	
67	361445	Lê Thị Yến	3614	3	11	15	8	48	170	200	370	
68	361813	Dương Thị Linh	3618	10	12	7	11	43	185	170	355	
69	362426	Trần Thị Thuỷ Vân	3624	4	10	10	10	48	150	200	350	
70	362248	Tô Thị Xuân Quỳnh	3622	10	14	10	9	39	200	145	345	
71	360857	Phạm Cẩm Thủy	3608	9	13	10	11	37	200	130	330	
72	361832	Nguyễn Phương Loan	3618	3	10	14	9	42	165	165	330	
73	360532	Nguyễn Thị Giang	3605	9	12	7	11	39	180	145	325	
74	361833	Lê Thị Hà Linh	3618	7	10	11	11	35	180	120	300	
75	360331	Phạm Thị Cúc	3603	5	12	12	9	32	175	100	275	
76	362124	Lương Thu Hà	3621	4	10	28	8		250		250	
77	360357	Lê Văn Thuận	3603	9	16	6	15	18	220	20	240	
78	360527	Lê Thị Hà	3605	7	11	16	9	19	200	25	225	
79	360725	Đặng Văn Phú	3607	5	8	6	8	29	115	85	200	
80	361038	Nguyễn Đặng Thanh Thuỷ	3610	7	9	11	7	24	150	50	200	
81	360902	Đặng Thị Thanh Vân	3609	1	8	11	7	28	115	80	195	
82	361045	Chu Đình Hạnh	3610	3	12	7	10	24	140	50	190	
83	362237	Hoàng Thị Yến	3622	9		7	12	25	120	60	180	
84	362006	Bùi Thị Hương	3620	8	11	8	8	15	160	5	165	
85	362353	Lưu Việt Thắng	3623	3	12	8	8	19	135	25	160	
86	360130	Trần Thị Hoa	3601									
87	360356	Trần Hà Phương Linh	3603									
88	361161	Bùi Hoàng Anh	3611									
89	361428	Trần Thị Mỹ Hạnh	3614									
90	361550	Nguyễn Thị Ngọc Anh	3615									
91	361614	Trần Thị Ngọc Hoa	3616									
92	361754	Lại Thị Huê	3617									
93	361755	Lê Thị Thanh Trà	3617									
94	361854	Phạm Thị Minh Phương	3618									
95	361860	Quách Huyền Trang	3618									
96	361904	Đặng Thị Kim Chung	3619									

Ca thi :

31/05/2015

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
97	362016	Phạm Thị Hòa	3620									
98	362104	Phạm Trung Kiên	3621									
99	362202	Dương Thị Thúy	3622									
100	362341	Lê Thế Quyết	3623									
101	362342	Nguyễn Ngọc Quý	3623									
102	362370	Trần Vũ Bảo Dung	3623									
103	362581	Bùi Bảo Anh	3625									
104	371875	Bùi Trần Quốc	3718	9	24	25	21	70	430	335	765	10.0

Hà Nội, Ngày tháng năm 2015

TRUNG TÂM TIN HỌC

PHÒNG ĐÀO TẠO

THANH TRA ĐÀO TẠO

TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

BAN GIÁM HIỆU